

Số: /BC-UBND

Kon Braih, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thực trạng, định hướng và những đề xuất, kiến nghị đối với tình hình nuôi trồng thủy sản, khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Kon Braih

Kính gửi: - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Thủy sản - Biển đảo;

Thực hiện Công văn số 2877/SNNMT-TSBĐ ngày 09/09/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc báo cáo thực trạng, định hướng và những đề xuất, kiến nghị đối với tình hình Nuôi trồng thủy sản, khai thác, Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Bảo vệ môi trường biển.

Qua rà soát, tổng hợp UBND xã Kon Braih báo cáo, cụ thể như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2024 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

1. Công tác chỉ đạo điều hành, tham mưu quản lý nhà nước trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản của địa phương, công tác triển khai Luật Thủy sản năm 2017:

a) Công tác chỉ đạo điều hành:

- Sau khi chính quyền 02 cấp đi vào hoạt động, UBND xã đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển nuôi trồng, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản gắn với bảo vệ môi trường. Chỉ đạo các Phòng ban chuyên môn UBND xã tham mưu, hướng dẫn các thôn, người dân về kỹ thuật nuôi, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản tại các sông, hồ chứa; chỉ đạo các lực lượng chức năng kiểm soát nguồn xả thải ra môi trường và xử lý các hành vi khai thác thủy sản mang tính tận diệt.

b) Công tác tham mưu quản lý nhà nước:

- Ban hành Quyết định⁽¹⁾; Kế hoạch⁽²⁾ triển khai các chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản, khuyến ngư, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn xã, qua đó xây dựng

⁽¹⁾Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 25/07/2025 về việc giao chỉ tiêu Kinh tế - xã hội xã năm 2025.

⁽²⁾Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 25/08/2025 về việc triển khai các chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản, khuyến ngư, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn xã.

lồng ghép nội dung phát triển thủy sản vào các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức rà soát, quản lý diện tích mặt nước nuôi trồng; hướng dẫn thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã thủy sản. Đẩy mạnh công tác khuyến nông - khuyến ngư, tập huấn kỹ thuật nuôi, phòng chống dịch bệnh cho hộ nuôi trồng thủy sản.

c) Công tác triển khai Luật Thủy sản năm 2017:

- Tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị tuyên truyền Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ quản lý, chính quyền cơ sở và người dân. Phát hành tài liệu, tờ rơi, lồng ghép nội dung tuyên truyền pháp luật vào các buổi sinh hoạt cộng đồng, hội họp thôn làng.

- Hướng dẫn người dân ký cam kết không sử dụng chất nổ, xung điện, hóa chất độc hại trong khai thác thủy sản. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực khai thác và nuôi trồng thủy sản.

2. Tình hình quy hoạch sử dụng đất trong nuôi trồng thủy sản tại địa phương:

- **Công tác quy hoạch:** Địa bàn xã Kon Brai sau khi chính quyền 02 cấp đi vào hoạt động (*trên cơ sở sát nhập 3 xã Đăk Tô Re, Tân Lập, Đăk Ruồng*) sau khi chưa có quy hoạch riêng biệt cho nuôi trồng thủy sản mà chủ yếu lồng ghép trong Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch phát triển nông nghiệp và Chương trình xây dựng nông thôn mới. Diện tích mặt nước tự nhiên (ao, hồ nhỏ, ruộng trũng, sông suối) và các hồ chứa thủy lợi, thủy điện được định hướng khai thác, sử dụng kết hợp cho nuôi trồng thủy sản.

- **Hiện trạng sử dụng đất, mặt nước:** Tổng diện tích mặt nước có khả năng sử dụng cho nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh ước khoảng 31,15 ha. Các diện tích ao, ruộng trũng của hộ gia đình được tận dụng nuôi thủy sản kết hợp với trồng trọt.

- **Các khó khăn, vướng mắc trong quy hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản:** Chưa có quy hoạch chi tiết vùng nuôi trồng thủy sản tập trung; phân bố diện tích còn manh mún. Thiếu cơ chế quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất/mặt nước nuôi trồng thủy sản, dẫn đến tình trạng phát triển tự phát, nhỏ lẻ, hiệu quả chưa cao. Việc sử dụng đất, mặt nước giữa thủy sản với nông nghiệp, thủy điện chưa được giải quyết triệt để.

- **Định hướng vùng nuôi và diện tích tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản:** Tích hợp phát triển thủy sản trong Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, trong đó xác định rõ diện tích, vị trí, loại hình nuôi (ao hồ, lồng bè, thủy sản...). Hình thành các vùng nuôi thủy sản tập trung tại các hồ thủy điện, hồ thủy lợi lớn; quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, mặt nước nuôi thủy sản theo Luật Đất đai, Luật Thủy sản 2017, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa thủy sản - nông nghiệp - thủy điện - du lịch.

3. Thực trạng nuôi trồng thủy sản tại địa phương năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025:

- Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản toàn xã khoảng 31,15 ha (hình thức nuôi nước ngọt), bao gồm ao hồ nhỏ của hộ gia đình, diện tích ruộng trũng và nuôi lồng bè trên sông, hồ chứa thủy điện - thủy lợi.

- Trong đó số lượng hộ nuôi là 28 hộ/33 lồng. Đối tượng nuôi chủ yếu: Cá nước ngọt truyền thống: cá rô phi, cá trắm, cá chép, cá mè... Hình thức nuôi: Nuôi ao, hồ nhỏ phân tán trong hộ gia đình chiếm tỷ lệ cao (khoảng 80%). Một số hộ dân phát triển nuôi cá lồng bè trên các hồ thủy điện (Hồ chứa cắt lũ kết hợp phát điện Đắk Blà, thủy điện Đắk Blà 1) và hồ thủy lợi (thủy lợi Đắk Gu; Đắk Snghe, Kon Srê).

II. TỔNG QUAN VỀ KHAI THÁC, BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN, MÔI TRƯỜNG NĂM 2024 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025:

1. Hoạt động khai thác: Chủ yếu diễn ra tại các sông, suối, ao hồ tự nhiên, các hồ thủy điện (Hồ chứa cắt lũ kết hợp phát điện Đắk Blà, thủy điện Đắk Blà 1) và hồ thủy lợi (thủy lợi Đắk Gu; Đắk Snghe, Kon Srê); khai thác mang tính nhỏ lẻ, thủ công, sản lượng không ổn định. Sản lượng khai thác tự nhiên năm 2024 và 9 tháng năm 2025 ước đạt 6,2 tấn.

2. Xây dựng các tổ chức nghề cá: Không thực hiện.

3. Công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; công tác thành lập các tổ cộng đồng trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản 2017 và các văn bản liên quan cho người dân; tiến hành tuần tra, kiểm tra, xử lý việc sử dụng các thiết bị khai thác tận diệt trong khai thác thủy sản.

4. Công tác quản lý và bảo vệ môi trường:

- Thực trạng đối với địa bàn xã Kon Braih một số khu vực nuôi của các hộ có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ do nước thải sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp. Hiện tại địa bàn xã chưa có hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng nước thường xuyên tại các hồ chứa, vùng nuôi thủy sản.

- Trong thời gian qua UBND xã xây dựng kế hoạch công tác quản lý và bảo vệ môi trường kiểm soát các hoạt động khai thác trên sông, hồ; kiên quyết xử lý việc sử dụng các thiết bị khai thác tận diệt. Hướng dẫn người dân chuyển đổi từ khai thác tự nhiên sang nuôi trồng thủy sản bền vững, khuyến khích áp dụng công nghệ nuôi tuần hoàn, nuôi sinh học để giảm thiểu chất thải. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động để nâng cao ý thức bảo vệ nguồn lợi.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Thuận lợi:

- Điều kiện tự nhiên địa bàn xã có hệ thống sông, suối, hồ chứa thủy điện - thủy lợi phong phú, diện tích mặt nước tương đối thuận lợi, khí hậu vùng núi cao mát mẻ phù hợp cho nuôi cá nước ngọt. Nguồn lợi thủy sản có nhiều loài cá bản địa, đặc sản có giá trị kinh tế cao; tiềm năng phát triển nuôi lồng bè, nuôi thâm canh.

- Nhu cầu thị trường: Mức tiêu thụ thủy sản trong và ngoài tỉnh tăng dần, ngoài ra còn có cơ hội liên kết tiêu thụ với thị trường các tỉnh Tây Nguyên, miền Trung. Người dân có truyền thống tận dụng ao hồ nhỏ nuôi cá nước ngọt, dễ thích ứng với mô hình nuôi cải tiến.

2. Khó khăn:

- Sản xuất nhỏ lẻ, phần lớn hộ nuôi quy mô nhỏ, phân tán, chưa hình thành vùng nuôi tập trung, thiếu liên kết sản xuất - tiêu thụ; thiếu vốn đầu tư mở rộng quy mô. Nguy cơ ô nhiễm cục bộ tại một số vùng nuôi; chưa có hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường thường xuyên; tác động từ xả thải nông nghiệp, sinh hoạt.

- Công tác kiểm tra, giám sát còn thiếu nhân lực, kinh phí; tuyên truyền pháp luật chưa thường xuyên; việc triển khai Luật Thủy sản 2017 còn gặp nhiều vướng mắc. Thị trường tiêu thụ chủ yếu bán tươi sống, giá cả bấp bênh, chưa có cơ sở chế biến, bảo quản; khó khăn trong xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản địa phương.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI:

1. Định hướng:

a) Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hàng hóa:

- Hình thành các vùng nuôi tập trung, gắn với quy hoạch sử dụng đất - mặt nước. Đa dạng hóa đối tượng nuôi, ưu tiên các loài đặc sản, giá trị kinh tế cao (cá tầm, cá hồi, cá lăng, cá thát lát...). Khuyến khích áp dụng công nghệ mới, nuôi tuần hoàn, nuôi hữu cơ, VietGAP.

- Khai thác thủy sản hợp lý, gắn với bảo tồn: Giảm dần khai thác tự nhiên, chuyển đổi sang nuôi trồng. Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác, nghiêm cấm sử dụng các thiết bị khai thác tận diệt. Gắn khai thác thủy sản với phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ cộng đồng.

b) Bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản:

- Tổ chức phục hồi nguồn lợi trên các sông, hồ. Triển khai xây dựng mô hình quản lý thủy sản giữa Nhà nước - cộng đồng - doanh nghiệp.

- Tăng cường kiểm soát xả thải, xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường. Phát triển mô hình nuôi thân thiện môi trường, gắn với bảo vệ đa dạng sinh học.

2. Giải pháp:

a) Về cơ chế, chính sách: Đề xuất UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích đầu tư nuôi thủy sản tập trung, công nghệ cao. Hỗ trợ vốn vay ưu đãi, giống thủy sản chất lượng cho hộ dân, HTX, doanh nghiệp. Kết hợp các chương trình mục tiêu quốc gia (nông thôn mới, giảm nghèo bền vững) để hỗ trợ phát triển thủy sản. Tăng cường nghiên cứu khuyến khích người dân áp dụng các mô hình công nghệ nuôi thâm canh, nuôi tuần hoàn, quản lý dịch bệnh.

b) Về bảo vệ nguồn lợi và môi trường: Tổ chức các đội tuần tra liên ngành, kiểm tra thường xuyên, xử lý nghiêm vi phạm. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ thuật cho nông dân, đặc biệt là kỹ thuật nuôi cá lồng bè, cá đặc sản. Tăng cường tuyên truyền Luật Thủy sản 2017, các quy định về bảo vệ nguồn lợi, bảo vệ môi trường. Nâng cao nhận thức cộng đồng về phát triển thủy sản gắn với bảo tồn sinh thái.

c) Đề xuất, kiến nghị:

- **Đối với Trung ương:** Quan tâm bố trí nguồn vốn hỗ trợ thực hiện các chương trình phát triển nuôi thủy sản công nghệ cao, đặc sản, giống thủy sản mới có giá trị kinh tế. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tập trung (đường giao thông, điện, cấp thoát

nước). Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý môi trường nước nuôi trồng thủy sản gắn với ứng phó biến đổi khí hậu.

- **Đối với UBND tỉnh:** Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản tập trung, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Có phương án lồng ghép phát triển thủy sản vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông nghiệp - nông thôn mới.

(Có Biểu phụ lục chi tiết kèm theo)

Trên đây là Báo cáo của UBND xã Kon Braih kính trình Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục Thủy sản - Biển đảo tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT (b/c);
- Chi cục Thủy sản - Biển đảo (/b/c);
- CT, 02 đ/c phó chủ tịch xã (biết);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Trung

Phụ lục 2
Tổng hợp kết quả nuôi trồng thủy sản năm 2024, 9 tháng đầu
năm 2025 và kế hoạch năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số /UBND-BC ngày 22/9/2025 của UBND xã Kon Braih)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	TH năm 2024	Năm 2025					KH 2026	Ước TH 9 tháng đầu năm 2025 so với KH 2025 (%)
				KH 2025	Ước TH 9 tháng đầu năm	Vụ 1	Vụ 2	Vụ đông		
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10	11=6/5
I	DIỆN TÍCH	ha								
1	Nuôi nước lợ	ha								
1.1	Nuôi tôm	ha								
	- Tôm sú	ha								
	- Tôm chân trắng:	ha								
	+ Trên cát	ha								
	+ Vùng triều	ha								
1.2	Thủy sản khác	ha								
	- Cua	ha								
	- Ốc hương	ha								
	- Cá các loại	ha								
	- Nuôi lồng									
	+ Số lượng lồng	Lồng								
	+ Tổng thể tích	m ³								
2	Nuôi mặn(biển)	m³								
2.1	Tôm hùm	m ³								
2.2	Cá các loại	m ³								
2.3	Thủy sản khác	m ³								
3	Nuôi nước ngọt	ha								
3.1	Ao hồ nhỏ	ha	23,59	23,59	23,66	21,15	23,59	23,59	23,59	100,29
3.2	Hồ chứa	ha	7,56	7,56	7,76	7,56	7,76	7,76	7,80	102,60
3.3	Nuôi lồng									
	- Số lượng lồng	Lồng	33	33	33	33	33	33	38	
	- Tổng thể tích	m ³								
II	SAN LƯỢNG	tấn								
1	Nuôi nước lợ	tấn								
1.1	Nuôi tôm	tấn								
	- Tôm sú	tấn								
	- Tôm chân trắng	tấn								
	+ Trên cát	tấn								
	+ Vùng triều	tấn								

1.2	Thủy sản khác	tấn								
-----	---------------	-----	--	--	--	--	--	--	--	--

	- Ốc hương	tấn								
	- Cá các loại	tấn								
	- Nuôi lồng	tấn								
2	Nuôi mặn (biển)	tấn								
2.1	Tôm hùm	tấn								
2.2	Cá các loại	tấn								
2.3	Thủy sản khác	tấn								
3	Nuôi nước ngọt	tấn								
3.1	Ao hồ nhỏ	tấn	16,43	19,68	19,68	16,43	19,68	19,68	16,43	
3.2	Hồ chứa	tấn	4,16	4,16	4,16	4,16	4,16	4,16	4,16	
3.3	Nuôi lồng	tấn	112,05	119,13	119,13	112,05	119,13	119,13	112,05	